

NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG QUÊN

Trần Đức Thuần

Lời người viết: Trong bài "Đi Làm Chui Thời Hậu Chiến" được đăng trong Lá Thư Công Chánh số 117, để phù hợp với đề tựa của bài, tôi chỉ cố gắng nhấn mạnh đến những công việc mà tôi làm chui bên ngoài sau năm 1975, còn công việc chính thức tôi làm cho Công Ty Xăng Dầu Khu Vực 2 thì tôi chỉ kể lướt qua. Nhưng chính thời gian làm việc tại đây, đã cho tôi thấy bộ mặt thật về nhân sự cũng như cách tổ chức guồng máy ở các công ty hay xí nghiệp của chính quyền mới. Và nó đã tạo cơ hội cho tôi có dịp chiêm nghiệm và so sánh, về cách hành xử cùng cung cách làm việc của các nhân viên tại miền Nam thời trước năm 1975, với những người họ gọi là công nhân nhà nước, được đào tạo trong môi trường "xã hội chủ nghĩa".

**Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sàu nhân thế chuyển đời**
(Tô Thùy Yên)

Khoảng tháng 7 năm 1975, sau khi tiếp quản Công Ty Shell Việt Nam và đổi tên thành Công Ty Xăng Dầu Khu Vực 2, Tổng Công Ty Xăng Dầu tại Hà Nội đã tổ chức lại guồng máy điều hành dập khuôn theo cách tổ chức của miền Bắc. Tại miền Nam trước kia, cấp chỉ huy theo hệ thống dọc, được sắp xếp bắt đầu là giám đốc (không kể các công ty lớn có chức vụ tổng giám đốc) sau đó dưới giám đốc là các chánh sở và dưới chánh sở là các trường phòng để điều hành nhân viên. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đốt giai đoạn bằng cách dưới chức giám đốc là xuống thẳng cấp trường phòng, nhưng sau đó từ các trường phòng họ đề ra thêm hàng loạt các phó phòng, cho nên số nhân sự của ban điều hành tính ra gần gấp rưỡi so với tổ chức ngày trước.

Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2 được điều hành bởi một giám đốc, dưới là phó giám đốc (cũng là bí thư đảng ủy của công ty, tuy không làm gì nhưng quyền hạn rất lớn) và sau đó là một số các phòng ban như: Tổ Chức (Nhân Viên), Tài Vụ, Kế Hoạch, Phân Phối, Kỹ Thuật... và đặc biệt có thêm một phòng nữa là phòng Bảo Vệ! Riêng về phòng Kỹ Thuật, dưới trưởng phòng là các phó phòng như:

Phẩm Chất và An Toàn, Tu Bổ và Bảo Trì, Thiết Kế và Xây Dựng.

Khoảng đầu năm 1977, phòng Kỹ Thuật có thêm một phó phòng mới từ Hà Nội được chuyển chuyên vào để lo về vấn đề hao hụt xăng dầu. Anh phó phòng mới này tên là Hùng, tốt nghiệp phó tiến sĩ về xăng dầu tại Liên Xô. Anh Hùng khoảng 35, 36 tuổi và là dân tập kết. Trước năm 1975, đối với Shell, vấn đề hao hụt xăng dầu thường do các kho dầu tự kiểm soát. Các loại dễ bốc hơi như xăng xe hơi hoặc xăng máy bay, được công ty cho phép một mức độ hao hụt khoảng 1.5 % cho đến 2% là tối đa trên tổng số lượng tồn trữ. Nếu quá giới hạn trên, thì một là bồn chứa hoặc đường ống phân phối bị rò rỉ, hai là bị lầy cấp. Khi một trong hai trường hợp này xảy ra, kho dầu thường bị công ty cho các kiểm toán viên (auditors), thuộc ngành Tài Chánh, xuống kiểm tra và các trường kho dầu phải có giải trình thỏa đáng. Sau năm 1975, tại miền Nam, các kho dầu thường được giao cho các bộ đội phục viên làm trưởng kho, vì họ là những thành phần đáng được tin cậy nhất. Thế nhưng, những cán bộ này, nếu không tham ô, thì lại hoàn toàn thiếu hiểu biết về vấn đề quản trị một kho dầu. Kết quả là sau một thời gian, số lượng hao hụt xăng dầu tại các kho đã tăng vọt lên một con số đáng sợ. Nhiều kho dầu đã báo cáo mức hao hụt trung bình từ 4 cho đến 6%, có kho còn báo cáo hao hụt lên đến 8%!

Trước tình trạng báo động này, Tổng Công Ty Xăng Dầu tại Hà Nội đã họp và bàn cãi rất nhiều để tìm cách giải quyết. Tình trạng hao hụt này, trước đây cũng đã xảy ra tại miền Bắc, tuy nhiên lúc đó do chiến tranh cùng với sự tiếp tế rất dồi dào của hai anh cả Liên Xô và Trung Quốc, cho nên vấn đề này không được đặt ra. Nay đất nước đã thống nhất, xăng dầu nay đã phải nhập cảng từ các nước xã hội chủ nghĩa và phải trả bằng ngoại tệ vốn đã hiếm hoi của nhà nước. Lượng hao hụt xăng dầu tại miền Bắc sau chiến tranh đã không giảm, còn tại miền Nam vấn đề này càng ngày càng trở nên trầm trọng. Và đó cũng là lý do chính để Tổng Công Ty ở miền Bắc đã cử một ông phó tiến sĩ, tốt nghiệp từ

Liên Xô, vào miền Nam để nghiên cứu (!), tìm phương hướng giải quyết vấn đề giảm thiểu hao hụt nói ở trên. Cũng cần nói thêm, sau khi chiếm xong miền Nam, họ thấy rõ rằng mức hao hụt trước đây của các hãng dầu tư bản ngoại quốc, rất thấp so với các kho dầu miền Bắc.

Cũng như các phó phòng khác đến nhận nhiệm sở mới, anh Hùng được anh trưởng phòng Kỹ Thuật hướng dẫn đến gặp các nhân viên để giới thiệu và làm quen. Trái với các phó phòng khác là dân tập kết, thường có thái độ khá cởi mở, anh Hùng có tác phong cứng nhắc của một người Mác-Xít. Có thể trong thâm tâm, anh nghĩ anh là người đã được rèn luyện ở một quốc gia là cái nôi của Xã Hội Chủ Nghĩa. Anh ăn nói rất dè chừng và lúc nào cũng cảnh giác về vấn đề lập trường, sau này tôi mới được biết, lúc đó anh đang là đối tượng để được kết nạp vào đảng. Anh Hùng làm việc một mình, cho nên anh thường phải tự mình đi các phòng ban tìm tài liệu và sách vở để tra cứu. Vì bản tính ít cởi mở và kém thân thiện, cho nên các nhân viên cũ cũng như mới không mấy ai tiếp xúc với anh. Mỗi lần anh đi đến các phòng ban để xin các tài liệu, họ chỉ tiếp qua loa rồi để mặc anh tự tìm kiếm lấy, mà ít người tỏ ý giúp đỡ.

Anh Hùng vào làm việc được khoảng 5, 6 tháng thì một buổi trưa, lúc tôi đang làm việc trong phòng, thấy anh gõ cửa và vào gặp tôi. Khác với mọi lần gặp anh ngoài hành lang hay trong phòng họp, hôm nay anh có thái độ vồn vã. Anh ngồi xuống ghế trước mặt bàn làm việc, rồi bắt đầu hỏi thăm tôi về gia đình, sau đó câu chuyện lan man đến việc học hành và công việc làm của tôi với Shell ngày trước. Anh sau đó kể lại cho tôi nghe những ngày đi học và làm nghiên cứu sinh của anh tại Liên Xô, rồi trở về làm việc tại Tổng Công Ty Xăng Dầu Hà Nội. Lúc đó tôi đang làm việc dưới phó phòng Phẩm Chất và An Toàn và vẫn giữ nhiệm vụ lo về an toàn kỹ thuật như ở Shell ngày trước. Cho nên trong lúc nói chuyện với anh, trong bụng tôi hơi ngạc nhiên vì thấy công việc của tôi, không liên quan gì đến công việc mà anh đang làm, vì vậy tôi chỉ gật gù lắng nghe nhưng không hỏi thêm gì. Nói chuyện một hồi lâu, anh Hùng mới ngừng rồi đổi đề tài và cho tôi biết, khi đi tìm tài liệu trong phòng văn thư, anh ta đã được đọc một số bài tôi viết trước đây cho các lớp huấn luyện tại các kho dầu về vấn đề an toàn kỹ thuật, trong đó tôi có đề cập đến vấn đề

hao hụt tại các kho dầu. À thì ra là vậy! Bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu mục đích của cuộc gặp gỡ và thăm hỏi ngày hôm nay của anh ta.

Để biết thêm chi tiết về các bài viết dành cho các lớp huấn luyện này, tôi xin trở lại thời điểm gần cuối năm 1974, trước biến cố ngày 30 tháng 4. Sau khi công tác tái thiết kho dầu Nhà Bè bị cháy hoàn tất, anh Quang (xếp trực tiếp của tôi) đang làm trưởng phòng Kỹ Thuật Tổng Quát, được ban giám đốc đề cử lên một chức vụ cao cấp bên Marketing. Để thay thế anh Quang, họ chuyển anh Lương Văn On lúc đó đang làm trưởng phòng An Toàn Kỹ Thuật vào thế chỗ, rồi đồng thời đề cử tôi lên thay cho anh On. Anh On là một kỹ sư đứng tuổi và có nhiều kinh nghiệm, thời ấy tôi chỉ nghe nói anh On tốt nghiệp kỹ sư Công Chánh, sau đó sang tu nghiệp tại Pháp quốc, rồi trở về làm việc cho Shell đã khá lâu. Sau này ra hải ngoại và được xem quyển Kỷ Yếu trường Cao Đẳng Công Chánh ấn hành năm 2000, tôi mới được biết thêm anh On tốt nghiệp khóa 2 năm 1954, cùng lúc với hai cố ái hữu Trần Sĩ Huân và Bửu Hiệp.

Khoảng hơn một tuần, trước khi nhận nhiệm vụ mới, tôi nhận được giấy từ phòng Huấn Luyện thuộc giám đốc Nhân Viên, gửi đến để tham dự một khóa huấn luyện cho nhân viên cấp điều hành có tên là "Quản Trị và An Toàn kho dầu". Lớp này do đích thân giám đốc Nhân Viên phối hợp với giám đốc ngành Cung Ứng và Phân Phối, cùng đứng ra tổ chức. Lớp học kéo dài 5 ngày do ông Bautista, một chuyên viên người Phi Luật Tân, thuộc trung tâm Shell Đông Nam Á, sẽ đến từ Singapore và là giảng viên. Trong danh sách tham dự, ngoài ông Nguyễn Xuân Kỳ là trưởng phòng Huấn Luyện, làm điều hợp viên (MC bây giờ), tôi thấy có tên một số các anh em đang làm trong ngành, cùng có sự tham dự của anh Lương Văn On và anh Võ Hoài Nam. Lúc đó anh Nam vừa được chuyển từ kho dầu Nhà Bè về trụ sở chánh, như tôi đã đề cập trong Lá Thư 117. Khoảng thời gian này, tôi cũng ít chú ý đến các lớp huấn luyện mấy. Bởi vì trong thời gian làm việc, tôi cũng đã tham dự gần một chục lớp huấn luyện đủ loại, có cái ngắn ngày hoặc có cái kéo dài đến cả tuần lễ.

Nhưng điều bất ngờ là lớp huấn luyện do ông Bautista đã gây cho tôi một ấn tượng rất đặc biệt, vì ngoài vấn đề ông ta là một giảng viên nhiều kinh nghiệm, ông Bautista đã tỏ ra

rất xuất sắc trong các lĩnh vực chuyên môn. Sau các bài giảng về phương pháp quản trị nhân viên trong kho dầu, ông Bautista còn vạch ra những biện pháp rất khoa học cho việc giữ an toàn và giảm thiểu hao hụt cho kho dầu. Trong các biện pháp đó, có 2 điểm mà tôi chú ý nhất, là phương pháp đề phòng sự tạo ra tĩnh điện (static electricity) có thể gây cháy nổ trong kho dầu, và việc kiểm tra bảo trì van thở trên các bồn chứa để điều hoà áp suất trong bồn. Ngoài ra, vấn đề bảo trì này còn để giảm thiểu hao hụt xăng dầu, cũng được ông đề cập khá tỉ mỉ.

Ngày bế mạc của khóa huấn luyện cũng được tổ chức khá long trọng, với tiệc trà thân mật cùng với sự tham dự của ông James Stewart, là giám đốc ngành Cung Ứng và Phân Phối. Lớp học tuy đã kết thúc, nhưng đã để lại cho tôi nhiều suy nghĩ và cảm hứng cho tôi ngồi viết các bài giảng dành cho việc huấn luyện các nhân viên kho dầu về sau này.

Sau khi đảm nhận nhiệm vụ mới được bàn giao từ anh On, tôi khởi sự ngay việc viết bài. Hai đề tài tôi muốn viết, là vấn đề ngăn ngừa tĩnh điện trong kho dầu và vấn đề an toàn cho bồn chứa trong việc tồn trữ và phân phối. Vì xăng dầu là một vật liệu rất dễ gây cháy nổ, cho nên vấn đề an toàn trong các kho dầu đã được ban giám đốc luôn luôn nhắc nhở và đặt ưu tiên lên hàng đầu. Ngoài ra, sau vụ một bồn chứa xăng tại kho Nhà Bè đã phát nổ vì tĩnh điện, trong khi đang được xúc rửa năm 1970 và gần nhất là sau khi kho dầu lại bị phá hoại năm 1973, thì an toàn còn được coi là vấn đề cấp thiết hơn bao giờ hết.



Lớp huấn luyện “Quản Trị và An Toàn kho dầu” gần cuối năm 1974:

1. Người viết 2. Ông Bautista 3. Ông James Stewart 4. Ông Nguyễn Xuân Kỳ 5. Anh Võ Hoài Nam 6. Anh Lương Văn On

Vụ bồn chứa dầu tại Nhà Bè phát nổ do vấn đề tĩnh điện xảy ra một năm trước khi tôi vào Shell, đã gây chấn động cho ban giám đốc cũng như toàn thể nhân viên thời bấy giờ. Khi tôi vào làm việc, được các nhân viên kể lại một cách sôi nổi, y như là sự việc mới xảy ra hôm nào. Phần lớn họ đều không hiểu tại sao một bồn chứa, có thể bị phát nổ trong khi đang được dùng nước để xúc rửa. Trong bài viết về tĩnh điện, tôi cố gắng giản dị hoá để học viên, với nhiều trình độ khác nhau, đều có thể hiểu được. Tĩnh điện cũng xảy ra trong việc xúc rửa bồn xăng dầu, khi vòi nước được phun từ một họng chứa lửa, dưới áp suất lớn, nên độ ma sát rất cao. Những tia nước đầu tiên được bắn ra chứa rất nhiều điện tích, cho nên khi gần chạm đến thành bồn chứa, chúng đã nện ra một tia lửa nhỏ và nếu nồng độ hơi xăng trong bồn cao hơn mức cho phép, sẽ khiến bồn phát nổ. Với ý tưởng trên, tôi đã gợi ý các kho dầu, khi tiến hành việc xúc rửa bồn, ngoài việc kiểm tra nồng độ hơi xăng, bồn phải được phun nước với áp suất thấp, cho đến khi tắt cả mặt trong của thành bồn đã ướt đầm (để giảm thiểu sự khác biệt điện tích và tránh bị nện lửa), sau đó mới được xử dụng vòi nước với áp suất cao, để thực hiện việc xúc rửa.

Trong bài viết thứ nhì, về sự an toàn trong việc tồn trữ và phân phối của bồn chứa, tôi đã phân tích khá kỹ lưỡng về nhiệm vụ của van thở (*breathing valve*) được gắn trên nóc bồn chứa. Đó là một loại van có hình thù giống như hình 2 trái nắm nằm cạnh nhau, một để thở ra và một để hút không khí ngoài vào, qua sự đóng mở của 2 đĩa kim loại được điều chỉnh bằng lò xo. Hai đĩa này sẽ lần lượt mở ra hoặc đóng vào, khi áp suất trong bồn chứa thay đổi cao hoặc thấp hơn với áp suất bên ngoài. Trong bài viết, tôi còn đề cập đến các van thở này, ngoài việc điều hoà áp suất cho bồn chứa, nó còn giúp kiểm soát được vấn đề hao hụt xăng dầu. Vì van thở chỉ đóng mở dưới một áp suất nhất định, cho nên xăng không thể bốc hơi tự do như để ngoài không khí, đó cũng là vấn đề mà anh Hùng đã chú ý khi đọc bài viết ấy và đã đến gặp tôi về sau này.

Khoảng vài tuần sau khi tôi viết bài xong, một hôm ông Nguyễn Xuân Kỳ thuộc phòng Huấn Luyện sang gặp tôi, ông Kỳ tuy lớn tuổi, trông đạo mạo nhưng tính tình rất trẻ trung. Gặp tôi, ông ta ngỡ ý rủ tôi tham gia các lớp huấn luyện về an toàn cho các nhân viên kho

dầu từ Đà Nẵng trở vào cho đến Cần Thơ. Tôi đưa ông ta xem một số bài tôi đã viết để dự trù sắp xếp vào chương trình huấn luyện, ông ta chịu khó ngồi đọc và vui vẻ đồng ý về sắp đặt chương trình. Thế là kể từ đó, ông Kỳ và tôi cùng bay đi khắp các địa phương để tổ chức các lớp huấn luyện an toàn cho các nhân viên kho dầu. Tại các địa phương, ngoài các câu hỏi thông thường mà học viên tại các kho dầu đặt ra, họ chú ý rất nhiều đến các van thở và cách bảo trì để giảm thiểu việc hao hụt, khiến tôi có một khái niệm khá rõ ràng về vấn đề này.

Trở lại buổi gặp gỡ giữa anh Hùng và tôi, tôi có giải thích với anh ta sơ lược về sự hoạt động của van thở và vấn đề liên quan đến hao hụt xăng dầu. Anh chăm chú nghe và có vẻ thích thú vì những cách tôi mô tả khá đơn giản để giải thích các sự kiện mà anh nghĩ là phức tạp. Thế là kể từ đấy, hàng tuần anh thường sang phòng tôi hỏi chuyện và trao đổi những về vấn đề hao hụt xăng dầu. Theo anh được biết thì phần lớn các ông trưởng kho dầu tại miền Bắc, lẫn miền Nam sau này, thường là bộ đội phục viên, chưa từng có một kinh nghiệm nào với việc quản lý một kho dầu, cho nên làm việc rất “tùy tiện”. Các van thở trên bồn lâu ngày các lò xo không được bảo trì cũng như điều chỉnh lại (*calibration*), cho nên những lúc nhận dầu hoặc buổi tối trời trở lạnh, van thở có khi phát ra những tiếng kêu lạ tai khiến nhiều ông sợ bồn bị nổ bèn cho công nhân lên tháo lò xo của van thở. Có ông còn chắc ăn hơn, vất bỏ cả đĩa chặn trong van, khiến xăng trong bồn được bốc hơi tự do, và cũng chính vì vậy Tổng Công Ty mới lên tiếng báo động về tình trạng thất thoát, đã lên đến mức trầm trọng.

Trao đổi với anh Hùng một thời gian, tôi mới hiểu anh ta không phải là người tệ, sở dĩ anh phải gồng mình và tỏ ra xa lánh mọi người vì anh mang trong người một lúc cả hai mặt cảm: tự tôn lẫn tự ti. Tự tôn vì anh ta đã tốt nghiệp phó tiến sĩ từ một trường nổi tiếng tại Mascova mà ít người miền Bắc đạt được, còn tự ti là vì sự hiểu biết về xăng dầu của anh rõ ràng là có vấn đề hạn chế. Có lẽ vì là một nghiên cứu sinh, anh ta chỉ chú trọng đến lý thuyết, còn các kinh nghiệm liên quan trực tiếp đến kho dầu thì anh ta hoàn toàn không nắm vững. Chính vì thế, tuy đã nhận công việc từ nhiều tháng nay, anh vẫn loay hoay với mớ lý thuyết mà không tìm ra cách nào để đem áp dụng vào thực tế.

Một hôm vào buổi trưa, với một vẻ mặt rất quan trọng, anh đem đến phòng cho tôi xem một quyển sách dày chừng gần một trăm trang, được đánh máy và khoe đây là luận án anh đã đệ trình để lấy bằng phó tiến sĩ. Tôi mở ra xem, nhưng không hiểu gì vì luận án được viết tiếng Nga, tuy nhiên có một điểm làm tôi chú ý là tất cả các công thức toán học, ngoài các ký hiệu, tôi không thấy có một hằng số cũng như biến số nào trong đó. Tôi hỏi anh và vô cùng sửng sốt khi được anh ta cho biết, các luận án sau khi chấm đậu, tuy được nhà nước Liên Xô cho phép đem về nước, nhưng vì lý do bảo mật (!) tất cả các công thức toán học phải bị xóa sạch. Anh Hùng còn kể lại, như một chuyện hoang đường, là trên chuyến xe lửa từ Mascova trở về Hà Nội, khi gần đến biên giới Trung Quốc, an ninh của Liên Xô đã lên xe lửa bắt các anh mở luận án để họ xem là các công thức đã được xóa sạch chưa.

Sau thời gian đó, anh Hùng tỏ ra thân thiết với tôi nhiều hơn, tuy nhiên lúc ấy tôi đang làm việc cho phó phòng Phẩm Chất và An Toàn, cho nên việc giao dịch giữa tôi với anh ta chỉ là vấn đề trao đổi giữa các phòng ban với nhau, mà không có gì gọi là chính thức. Một hôm, anh ta đến và ngỏ ý nhờ tôi trực tiếp giúp đỡ anh trong công việc nghiên cứu về hao hụt, tôi vội vàng từ chối, lấy lý do đang bận với công việc đang làm. Thực ra thời gian ấy, ngoài công việc chính, tôi lại đang làm chui cho Hoàn Mỹ Kiến Tạo Công Ty, cho nên tôi không dại gì mà càng đáng thêm công việc khác. Và cũng vì lúc đó, tôi tự cảm thấy bản thân mình đang sống ở dưới một xã hội được gọi là “cha chung không ai khóc” này.

Thấy thuyết phục tôi không được, anh Hùng bèn đề nghị sẽ lên nói chuyện với ban giám đốc cho tôi bớt công việc đang làm, để có thể giúp đỡ anh một tay. Chừng một tuần sau, có lẽ được lệnh từ cấp trên xuống, anh Trưởng Phòng Kỹ Thuật gặp tôi và nói đã chỉ thị cho Phó Phòng Phẩm Chất và An Toàn sắp xếp cho tôi những thời gian rảnh rỗi có thể giúp đỡ cho Phó Phòng lo về Hao Hụt Xăng Dầu. Cũng kể từ đó, cứ hàng tuần, anh Hùng mang các tài liệu thu thập được sang gặp tôi để trao đổi, đồng thời trong luận án của anh, những phần có liên quan đến vấn đề hao hụt đã được anh ta dịch ra tiếng Việt, để tôi có thể dễ dàng tham khảo.

Tôi đem bản dịch về nhà đọc và thấy luận án này thực sự không có gì gọi là cao siêu hay khó hiểu cả. Trong luận án, anh Hùng chia vấn đề hao hụt ra làm hai cách khác nhau, mà anh gọi là đó “*Thở Lớn*” và “*Thở Nhỏ*”. Thở Lớn là hao hụt khi hơi xăng thoát ra ngoài bồn chứa lúc nhận dầu, còn Thở Nhỏ là hao hụt khi áp suất trong bồn tăng lúc nhiệt độ bên ngoài lên cao như tôi đã trình bày ở đoạn trên. Các công thức toán học đang bị bỏ trống mà anh dùng để tính toán các loại hao hụt này, tôi đoán chỉ là những con tính về tích phân và vi phân thông thường. Tuy nhiên đã là công thức thì phải có các hằng số và biến số cụ thể thì mới có thể tính toán được. Tôi đem vấn đề này đặt ra với anh Hùng, thấy anh ta ngồi suy nghĩ lung lăm nhưng không trả lời, chỉ chào tôi rồi đứng dậy ra về.

Vài ngày sau, anh Hùng vào phòng tôi, mang theo phần luận án đã được dịch ra tiếng Việt hôm nọ và một mảnh giấy viết rời. Anh bí mật nói nhỏ và thú thật cho tôi biết là trước khi ở Liên Xô về, anh ta đã lén chép được một số công thức trên một tờ giấy trắng và giấu dưới đáy hành lý để mang về nước. Khi xem các công thức trên tờ giấy, quả nhiên là tôi đoán không sai, đó chỉ là một số công thức tính tích phân thông thường. Kể từ khi có các công thức, chúng tôi bắt tay vào việc tìm kiếm thêm các dữ kiện hao hụt mới tại một số các kho dầu, để sau này sẽ điền vào công thức để tính toán và kiểm chứng lại kết quả hao hụt của chúng.

Sau khi đã có một số liệu tương đối đầy đủ, chúng tôi bắt tay vào việc tính toán. Công việc cứ thế được tiến hành, đến cuối năm 1977 thì chúng tôi tổng kết được một số tài liệu đáng kể và đồng thời cũng kết hợp với một số kết quả do việc tính toán để tiện việc so sánh.

Một hôm khoảng hai tuần sau đầu năm dương lịch 1978, anh Hùng hớn hờ vào phòng gặp tôi và cho xem giấy báo tin là vào trung tuần tháng 3, Tổng Công Ty Xăng Dầu dự định tổ chức một khóa hội thảo kéo dài 3 ngày tại Hà Nội, về vấn đề hao hụt xăng dầu cho toàn quốc. Tổng Công Ty đã gửi giấy mời đến Công Ty Xăng Dầu Khu Vực 2 ra tham dự, và anh Hùng ngỏ ý muốn tôi đi cùng với anh ta trong chuyến đi này. Lúc đó công việc tôi đi làm chui ở ngoài cũng đã giảm bớt, ngoài ra, tôi cũng muốn đi để xem lại tận mắt Hà Nội của tôi sau mấy chục năm xa cách,

nên tôi nhận lời. Tôi cũng biết vào thời điểm đó, việc ra miền Bắc của một người ở miền Nam bình thường như tôi không phải là một điều dễ dàng để được cấp giấy phép.

Những ngày sau đó, tôi và anh Hùng bắt tay vào việc chuẩn bị để viết một bản tổng kết các tài liệu và nghiên cứu về hao hụt xăng dầu của chúng tôi tại khu vực 2, dựa trên những điều chúng tôi thu thập và tính toán trước đây. Vì biết rõ sự nhận thức về xăng dầu nói chung và vấn đề hao hụt nói riêng, của các ông trưởng kho tại miền Nam, và ngoài ra đây chỉ là một cuộc hội thảo, cho nên tôi đề nghị bài viết chỉ nên trình bày một cách giản dị, thật dễ hiểu để một người thông thường cũng có thể dễ dàng theo dõi. Ngược lại, anh Hùng lại không đồng ý với tôi về điểm này, có lẽ muốn phô trương khả năng học vấn của anh, anh ta đề nghị đem một số công thức toán học vào bài viết để chứng minh những điều mà chúng tôi đã bỏ công đã tính toán, mặc dù tôi can gián mãi cũng không được. Sau cùng, tôi với anh ta đồng ý là anh ta sẽ viết phần lý thuyết, còn tôi sẽ viết phần áp dụng thực tế, để đưa ra các nguyên nhân làm hao hụt tăng cao và các biện pháp để giảm thiểu trong việc tồn trữ xăng dầu.

Tài liệu khoảng chừng 30 chục trang giấy, viết xong, được anh Hùng đem đi cho đánh máy và quay roneo khoảng mấy chục bản để sẵn sàng lên đường dự khóa hội thảo. Gần giữa tháng 3 năm đó, anh Hùng đến đưa cho tôi vé máy bay khứ hồi Saigon - Hanoi để chờ ngày lên đường. Trong thời gian chờ đợi, có lẽ để trấn an tinh thần và cũng để tôi chuẩn bị tâm lý trước, anh Hùng sơ lược cho tôi biết về tình hình ngoài Bắc. Theo anh ta, vì hoàn cảnh chiến tranh, cuộc sống ngoài đó có khó khăn hơn trong Nam, nhưng dân chúng đã sống quen thuộc với đời sống bao cấp, cho nên không ai phàn nàn gì khi phải tiếp tục thất lưng buộc bụng, một mặt để trả nợ quốc tế, một mặt khác để chi viện cho chiến tranh đang tiếp diễn tại Cam-pu-chia.

Chưa đầy một tuần sau, một buổi sáng tôi đến sở và cùng anh Hùng được xe của công ty đưa vào phi trường Tân Sơn Nhất để bay ra Hà Nội. Ở phi trường, chúng tôi được đưa lên loại máy bay phản lực TU là loại máy bay khá mới của Liên Xô. Ngồi trên máy bay, anh Hùng kể cho tôi nghe những khó khăn mà anh ta đã gặp phải, để xin phép công ty cho tôi ra Bắc tham dự. Ban An Ninh đã điều tra lý lịch

của tôi và biết gia đình tôi đã di cư năm 1954, có anh trai đi quân đội và đang đi cải tạo. Anh ta nói đã giải thích cho họ là lúc ra đi tôi chỉ theo gia đình, ngoài ra lúc đó còn quá trẻ để hiểu rõ và giác ngộ cách mạng (!). Cuối cùng công ty cho phép tôi đi với điều kiện, anh ta phải đứng ra bảo lãnh cho các hành vi của tôi trong thời gian ở Hà Nội. Chính vì vậy, mấy ngày đầu anh Hùng thường tìm cách đi chung với tôi, nhưng sau đó thấy tôi gặp những bà con có đầy thành tích cách mạng, cho nên anh ta làm lơ và để tôi tự do đi đây đi đó. Ngày đó, biết thân phận bị nghi kỵ, tôi đã không mang theo máy chụp hình, vì đối với người miền Bắc, máy chụp hình thời bấy giờ là một loại máy móc hiếm quý chỉ được sử dụng bởi các phóng viên, nhà báo, các thợ chụp hình dạo đã được cấp giấy phép hoặc là...gián điệp (!) mà thôi.

Sau khoảng gần 3 tiếng đồng hồ bay, phi cơ đổi cao độ để đáp xuống phi trường Gia Lâm, nơi mà hơn 20 chục năm về trước, gia đình tôi đã từ đây được đi trên chiếc Dakota hai cánh quạt để vào Nam tìm tự do. Qua cửa sổ máy bay, tôi thấy phi trường Gia Lâm nhỏ, xập xệ và có vẻ cũ kỹ hơn cả phi trường Bình Thủy ở Cần Thơ mà tôi thường bay đến.

Ra khỏi phi cơ, Hà Nội mùa này trời lạnh, nên tôi phải lấy chiếc blouson mang theo ra mặc. Đứng một lát tôi không thấy có xe ca ra đón ở đường băng, mà thấy mọi người đều lục tục đi bộ vào phi cảng, làm tôi và anh Hùng cũng phải rảo bước theo họ. Đến trước cổng phi cảng, tôi càng ngạc nhiên hơn khi trời lạnh cóng nhưng hành khách không đi vào bên trong, lại đứng tụ tập đông đảo ở bãi cỏ phía trước, hỏi ra thì mới biết họ sẽ đi hành lý trên chuyến bay đến đây. Khoảng hơn 20 phút chờ đợi, một chiếc xe tải giống chiếc Molotova màu xanh bỏ mui, xuất hiện rồi lùi đuôi xe vào sân cỏ. Tôi ngỡ ngàng không tin vào mắt mình, trên xe khoảng 2, 3 nhân viên hàng không vừa quăng vừa xô hành lý của hành khách đổ lung tung xuống mặt sân cỏ, và thế là cả một đám hành khách xô đẩy nhau, ùa vào để giành nhặt hành lý. Có lẽ vì đã sống ở trong miền Nam một thời gian, anh Hùng có vẻ ngỡ ngàng với tôi về các hành động này, anh ta than phiền những hành khách đã tỏ ra có thái độ thiếu ý thức và vô tổ chức. Ngược lại, tôi thì nghĩ về cung cách phục vụ và đối xử tệ hại với khách hàng của cái gọi là Hàng Không Việt Nam thời bấy giờ. Vào bãi cỏ nhặt hành lý xong, tôi và anh Hùng vào phi

cảng ngồi đợi một lát thì chiếc xe com-măng-ca của Tổng Công Ty đến đón chúng tôi để đưa về nhà trọ (họ dùng chữ nhà khách), cũng nằm ngay trong trụ sở của công ty.

Chiếc com-măng-ca vừa kêu to vừa xóc chở chúng tôi chạy chừng hơn năm phút tôi đã thấy hình dạng xa xa của chiếc cầu Long Biên bắc qua sông Hồng. Chiếc cầu ngày nào mà gia đình tôi đã đi qua để ra phi trường vào Nam lúc tôi mới lên 7 tuổi, cho nên trong ký ức tôi chỉ còn nhớ loáng thoáng. Xe chạy gần đến đầu cầu, tôi xúc động nhìn chiếc cầu cũ kỹ, chắc đã từ lâu không được sơn phết lại, lớp sơn màu xám đã tróc nhiều chỗ để lộ những đà sắt đầy vết rỉ sét. Cầu chia làm ba khoang, khoang chính giữa lớn nhất dành cho đường xe lửa, hai khoang hai bên dùng cho đủ loại xe và cả khách bộ hành đi theo 2 chiều xuôi ngược.

Trời vừa quá trưa mà cầu đã bị kẹt kinh khủng, khi vào đến cầu tôi trông thấy một cảnh hết sức hỗn độn hiện ra trước mắt. Khoang đi vào thành phố chỉ có một làn xe duy nhất rộng chưa được 3 thước tây, sát bên cạnh là bờ lề nhô lên cao, rộng khoảng một thước dành cho người đi bộ và lúc này thì cả trên lẫn dưới đều đặc nghẹt người và xe cộ. Làn dành cho xe chạy thì có đủ loại: xe đạp, xe bò, xe thồ và dĩ nhiên là cả xe hơi như của chúng tôi. Bờ lề dành cho người đi bộ thì chỉ một số nhỏ là đi tay không, còn đa số là đàn bà gồng gánh thực phẩm, hàng hoá vừa đi vừa chen lấn trong lúc miệng rao hàng liên tục. Đi trước xe chúng tôi khoảng 2, 3 xe là một chiếc xe bò chở lúa cao ngất ngưỡng, đi chậm chạp chính giữa làn xe. Vây chung quanh là vô số xe đạp chen lấn nhau để qua mặt chiếc xe bò khiến tài xế chở chúng tôi không ngớt lau nhàu, vì chân phải đạp thắng liên tục. Quanh tôi tiếng bấm còi, tiếng máy xe đi trước gầm rú cùng với khói bốc ra mù mịt, xen lẫn đó tiếng cãi nhau chí chóc của những người đi bộ sát bên cạnh xe, tạo ra một khung cảnh và âm thanh hỗn tạp khó mà diễn tả. Chiếc com-măng-ca cứ thế mà nhích từng chút một, theo sau chiếc xe bò và khoảng hơn một tiếng rưỡi đồng hồ sau, xe mới vượt qua khỏi được chiếc cầu dài hơn 2 cây số để tiến vào thành phố.

Xe chạy bắt đầu qua các phố cổ Hà Nội, thấp thoáng xa xa tôi thấy bóng dáng Chợ Đồng Xuân, rồi xe chạy qua phố Hàng Cót, rồi đến phố Phùng Hưng ... Nhìn cảnh vật hai

bên đường, thay vì phải thấy trong lòng bồi hồi xúc động, tôi chỉ cảm thấy dâng lên một niềm đau xót vô tận. Có lẽ đã quen sống ở Sài Gòn hơn hai chục năm, nhìn thấy cảnh nhà cửa cao ráo và các cửa hàng sầm uất nằm trên các con đường rộng thênh thang, với xe cộ tấp nập đã quen mắt. Nay bỗng đứng trở về một thành phố của thời xa xưa, với nhà cửa lụp xụp và cũ kỹ, đường xá tróc nhựa loang lổ, còn cửa hàng phần lớn chỉ là hàng hóa bày lều tều trước hiên nhà hoặc bày dưới các chòi mái lợp ny lông sơ sài nằm ở vỉa hè. Trên đường phần lớn toàn là xe đạp, thỉnh thoảng tôi thấy một vài chiếc xe Honda C50 cũ chắt đem từ miền Nam ra, chạy qua trước mặt. Những người Hà Nội thanh lịch ngày xưa bây giờ đã đi đâu mất, mà bây giờ trước mặt tôi, chỉ thấy những người dân ăn mặc nhếch nhác, vẻ mặt khắc khổ đầy nét chịu đựng, đi bộ hoặc đạp xe lầm lũi qua những dãy phố đều hiu.



Đường phố Hà Nội vào năm 1978 với chiếc xe điện từ thời Pháp thuộc còn để lại (hình minh họa)

Cuối cùng xe rẽ vào đầu Phố Khâm Thiên, nơi đặt trụ sở của Tổng Công Ty mà cũng là nhà trọ mà chúng tôi sẽ lưu trú trong 5 ngày đêm tại đây. Trụ sở nằm trong một khu đất khá rộng, nhà cửa bên trong không khác gì một trại lính của Pháp. Ở đó có khoảng gần chục căn nhà một tầng, xây bằng gạch, tường quét vôi vàng cũ loang lổ, phía trên mái lợp bằng ngói, nhiều chỗ đã mục nát, phần còn lại ngói đã mọc rêu chỗ xanh chỗ đen trông nham nhở như bức tranh đang vẽ dở dang. Người tài xế dẫn tôi và anh Hùng đi qua dãy nhà chính dài phía trước, là chỗ đặt văn phòng và phòng họp của trụ sở mà ngày mai chúng tôi sẽ hội thảo, để đến dãy nhà phía sau mà họ gọi là nhà khách của công ty.

Vào nhà khách, tôi ngẩn người vì đó là một căn phòng rộng, trong đó có kê khoảng gần 20 chiếc giường bằng gỗ nhỏ vừa

đủ cho một người nằm, giường này cách giường kia chừng 2 thước. Mỗi giường được trải chiếu trơn, trên giường không có gì ngoài một chiếc chăn dạ cũ được gấp sẵn. Đi gần đến cuối cửa ra vào phụ, anh tài xế chỉ cho chúng tôi 2 chiếc giường nằm sát cạnh nhau ở một góc phòng và nói các giường khác đã có khách đến chiếm chỗ rồi. Nhận giường xong, lúc đó chỉ khoảng hơn 5 giờ chiều nhưng trời đang vào đông nên đã bắt đầu hơi tối và trở lạnh. Tôi mở vali lấy khăn và cùng anh Hùng đi tìm chỗ rửa mặt trước khi đi ăn cơm tối. Có lẽ đã khá quen thuộc với các khu nhà này, anh Hùng dẫn tôi đi xuống phía sau, vòng qua khu nhà ăn và bếp để đến chỗ rửa mặt. Chỗ rửa mặt chỉ là một miếng xi măng lớn đã sứt mẻ nhiều chỗ, trên đó có đặt một chiếc lu bằng sành, bên cạnh lu có giá treo mấy chiếc gầu làm bằng vỏ dừa để múc nước rửa mặt và làm vệ sinh buổi sáng. Anh Hùng cho tôi biết, chỗ này cũng là nơi để tắm và giặt giữ quần áo của khách đến nhà trọ.

Trên đường trở lại phòng, khi đi qua nhà bếp, tôi nhìn vào thấy mấy chiếc lò đun củi, được chế ra từ nửa chiếc thùng phuy xăng cũ, trên đó có mấy chiếc chảo lớn đang bốc khói nghi ngút, trên nhà ăn đã có nhiều người tụ tập ngồi uống trà và nói chuyện râm rì để chờ bữa cơm tối. Giờ ăn cơm tối được ấn định là 5 giờ rưỡi, tuy nhiên lúc chúng tôi xuống nhà ăn đã thấy nhiều người đã lấy đồ ăn và vào chỗ ngồi. Anh Hùng phải chạy đi tìm thêm hai người nữa cho đủ 4 người để chúng tôi cùng ăn chung một suất. Mỗi suất nhận được một lưng giá cơm trắng, một đĩa rau muống xào và một đĩa tép rang mặn (tép ở đây là tiếng gọi ở miền Bắc, chỉ con tôm nhỏ chỉ lớn bằng đầu chiếc đũa). Chúng tôi sau đó tự bưng cơm và thức ăn về bàn rồi đi tìm đũa bát để ăn cơm. Lúc đang ăn, anh Hùng hỏi chuyện 2 anh cùng mâm và được biết hai anh đều là trưởng kho dầu, một anh đến từ Thanh Hoá còn anh kia từ Qui Nhơn ra tham dự. Chúng tôi ăn xong ngồi tán chuyện gẫu một lát rồi trở về nhà trọ, dưới ánh đèn tù mù của một chiếc bóng 40 watt ở giữa phòng, tôi thấy trên các giường đã thấy kẻ nằm, người ngồi, có ông còn mang điều cây thuốc Lào ra ngồi hút sòng sọc. Buổi tối hôm đó có lẽ mọi người đều đi chuyển đường xa, cho nên chưa đến 9 giờ là đã đều vào giường và chỉ một lát là tất cả đã chìm vào trong giấc ngủ. Khoảng gần 3 giờ sáng, tôi giật mình thức dậy vì một luồng hơi lạnh thổi lòn qua các cửa sổ lá sách, xuyên

qua giát giường đến phía dưới chiếc chiếu mỏng khiến lưng tôi lạnh cóng, làm tôi tỉnh giấc. Cái lạnh làm tôi không ngủ lại được, nằm trong bóng tối, suy nghĩ lan man và có ý tưởng so sánh nhà trọ này với các khách sạn ngày xưa đi công tác, làm tôi muốn phì cười.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy ăn sáng với cơm trắng, muối vừng. Đang ngồi nói chuyện phiếm với một số các trưởng kho dầu địa phương, thì được nhân viên xuống báo để di chuyển qua phòng họp ở toà nhà phía trước. Phòng họp khá rộng, có 2 dãy bàn dài với khoảng hơn ba chục chiếc ghế gỗ, cho đại diện từ khắp các công ty hoặc các kho dầu toàn quốc về tham dự. Khi anh Hùng và tôi bước vào, tôi đã thấy ông Trang, giám đốc Tổng Công Ty đang đứng ở đầu bàn chủ tọa. Anh Hùng tỏ ra rất thân thuộc, dẫn tôi đến chỗ ông ta đứng, rồi tươi cười chào hỏi và giới thiệu tôi với ông ta. Có lẽ đã nhiều lần vào Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2, cho nên ông Trang tỏ ra vui vẻ bắt tay tôi. Rồi với bản tính xuề xòa, ông ta hỏi thăm chúng tôi về tình trạng ăn ở nơi nhà trọ, dĩ nhiên đối với anh Hùng, đó là một nơi đầy đủ và tiện nghi trên cả mức trung bình của một cán bộ công nhân viên nhà nước.

Buổi hội thảo sau đó được bắt đầu với chương trình là buổi sáng đầu tiên, sẽ do Tổng Công Ty báo cáo các kết quả về hao hụt tổng quát tại các địa phương và các đề nghị giảm thiểu hao hụt. Buổi chiều và nguyên ngày thứ nhì, để các công ty cùng các kho dầu địa phương báo cáo và phát biểu tình trạng cũng như phương án giảm thiểu hao hụt tại địa phương mình. Sau đó ngày cuối cùng, sẽ dùng để thảo luận và đúc kết khóa hội thảo. Chương trình do trưởng ban tổ chức đọc xong, ông Trang đã đứng lên ngỏ lời chào mừng các tham dự viên của khóa hội thảo và sau đó đọc báo cáo về hao hụt của toàn quốc. Tôi giật mình khi nghe thấy những số liệu hao hụt trong một vài năm qua, với những con số thật đáng sợ và với đà càng ngày càng tăng mà không thấy giảm bớt. Sau bản báo cáo khá dài, ông Trang mong những ngày sắp tới chúng tôi sẽ tường trình và thảo luận vấn đề hao hụt này một cách tích cực và “nghiêm túc”, rồi đưa ra một đường hướng rõ ràng để giải quyết vấn đề này cho tương lai.

Sau bữa cơm trưa, khóa hội thảo trở lại với các lời phát biểu và báo cáo của các trưởng kho dầu địa phương. Phần lớn họ đều

đổ lỗi sự hao hụt là do các thiết bị gắn trên bồn chứa cùng các đường ống tiếp nhận và phân phối đã cũ, mà không có vật liệu mới để thay thế. Ngoài ra cũng có một số báo cáo do tình trạng kinh tế khó khăn, nhiều công nhân kho dầu đã lén lút “móc ngoặc” với các con buôn, để tuồn xăng dầu ra các địa điểm bán lẻ bên ngoài. Tôi nhận thấy không một ông trưởng kho dầu địa phương nào đứng ra nhận khuyết điểm vì sự kém hiểu biết và công tác quản lý lỏng lẻo của họ.

Buổi chiều hôm đó, sau khi cơm nước xong, anh Hùng rủ tôi đi “tham quan” thành phố Hà Nội. Có lẽ để động viên và tuyên truyền, anh ta dẫn tôi đi bộ một quãng ngắn trên Phố Khâm Thiên, đến khu tưởng niệm mà anh cho biết giặc Mỹ đã dùng phi cơ B52 để ném bom Hà Nội (*họ gọi là trận Điện Biên Phủ trên không*) vào ngay sau dịp lễ Giáng Sinh năm 1972. Phi cơ Mỹ đã thả bom nhằm vào khu dân cư ở đây, làm thiệt hại mấy chục căn nhà và cả chục người thiệt mạng. Dưới bóng đèn tờ mờ, trong khu tưởng niệm này, tôi thấy chung quanh những bức tường đổ, ở giữa có tượng một người đàn bà bế trên tay xác một đứa trẻ và đặc biệt là chân phải đạp lên một quả bom chưa nổ (!).

Rời khu tưởng niệm, chúng tôi đi bộ khá lâu để đi qua chùa Quán Sứ, rồi lên Phố Tràng Thi. Tôi ngỏ lời với anh Hùng là muốn đến thăm gia đình anh chị họ tôi ở Phố Hàng Đào, anh đồng ý ngay và dẫn tôi đến địa chỉ mà tôi đã ghi lại trước khi đi ra Bắc. Nhà anh chị họ tôi ở ngay mặt tiền, phía trước có treo một số quần áo trẻ em màu sắc sặc sỡ. Anh họ tôi là một cán bộ khá cao cấp, về hưu đã khá lâu, chắc vì có buôn bán thêm nên gia đình anh chị có vẻ khá giả. Anh chị vô cùng mừng rỡ khi được gặp lại tôi sau hơn 20 năm xa cách, cả hai tíu tíu hỏi han tình trạng gia đình và bố mẹ tôi trong Sài Gòn rồi sốt sắng mời tôi và anh Hùng ngày mai trở lại nhà, để dự bữa cơm thân mật với toàn thể đại gia đình.

Buổi sáng hôm sau tiếp tục đến phần trình bày của một số địa phương khác. Sau phần giải lao giữa buổi, là phần trình bày của Công Ty Xăng Dầu Khu Vực 2. Phần này đã được các thành viên chú ý khá đặc biệt, vì chúng tôi là đơn vị duy nhất đã chuẩn bị tài liệu được in sẵn và được anh Hùng và tôi lần lượt phát tận tay cho mọi người trước khi phát biểu. Đúng như tôi dự đoán, khi mở mấy trang đầu tài liệu

thấy các công thức toán học tùm lum, ông nào cũng vội vàng lật nhanh sang các trang sau để xem mục kế tiếp.

Như đã thỏa thuận trước, anh Hùng đứng lên đề cập đến tình trạng hao hụt của đơn vị chúng tôi, tình trạng vật chất hiện có và vấn đề lý thuyết tính toán để xác định mức hao hụt cho từng loại bồn, theo điều kiện khí hậu của từng khu vực. Về phần tôi, thì đưa ra những phương cách để kiểm soát vấn đề hao hụt và những con số thất thoát cụ thể có thể chấp nhận được để áp dụng tại đơn vị của chúng tôi. Sau phần phát biểu, ngoài sự gật gù đồng thuận của các tham dự viên, tôi thấy ông Trang có vẻ hài lòng lắm, vì ông nghĩ đã không ủng hộ công cử một ông phó tiến sĩ vào Nam để nghiên cứu một vấn đề mà ông nghĩ khá gai góc cho một khu vực lớn vào bậc nhất của Tổng Công Ty.

Buổi chiều hôm đó, lớp hội thảo tan sớm và vì không phải ăn cơm trong khu nhà trọ, nên vừa ra khỏi phòng họp, anh Hùng đã rủ tôi đi sớm, để có nhiều thời gian hơn “tham quan” tiếp thủ đô Hà Nội. Chúng tôi lại đi bộ qua những con phố trông cũ kỹ và nghèo xác xơ của nơi được gọi là “Ngàn Năm Văn Vật”, để hướng về khu Hồ Hoàn Kiếm. Mặc dù đã mặc áo ấm, đi một hồi chúng tôi cũng bị lạnh, mệt và khát nước, anh Hùng rủ tôi tấp vào một quán nước bên vệ đường.

Quán nằm trên một miếng đất khá trống trải, gọi là quán, nhưng thực sự chỉ có 4 chiếc cọc gỗ cao, trên đó có phủ một tấm bạt cũ để che mưa nắng. Dưới bạt, một người đàn ông đứng tuổi da mặt nhăn nheo, ngồi trên một chiếc ghế gỗ thấp, cuộn mình trong chiếc áo dạ nhà binh cũ, rộng thùng thình và đã được vá nhiều chỗ. Trước mặt ông ta là chiếc bàn bằng gỗ, trên mặt bàn có một chiếc ấm, hình dáng giống như một chiếc hũ, khá lớn làm bằng sành, có hai tay cầm hai bên đang đặt trên một lò bằng gạch nung với lửa liu riu. Chung quanh ấm cũng được cuốn bằng một chiếc chăn dạ cũ, bên cạnh đó chừng một chục chiếc chén sành nằm úp lên nhau và một chiếc lọ thủy tinh đựng một thứ gì màu trắng trắng, mà khi nhìn kỹ tôi mới nhận ra đó là những viên kẹo được tẩm bột.

Trong quán chỉ có hai ba chiếc bàn con và chừng bốn năm chiếc ghế nhỏ bằng ny lông cũ, có cái bị lẹm cả một góc ghế. Chúng tôi vừa ngồi xuống, ông chủ quán đã đơn giản đem

hai chiếc bát sành cũ miệng đã bị sứt mẻ nhiều chỗ đặt trước mặt chúng tôi, rồi ông ta thành thạo cuốn miếng vải vào tay để mở nắp ấm. Nắp vừa mở, hơi nước trong ấm tỏa ra mùi mật đem theo một mùi hương thơm nhẹ của trà (chè) lá vối nóng. Ông chủ quán một tay cầm nắp ấm, một tay cầm chiếc gàu làm bằng nửa chiếc gáo dừa, gạt những chiếc lá vối nằm trên mặt nước, rồi vục gàu vào ấm để múc nước trà màu xanh nhạt và đổ vào hai chiếc bát trước mặt chúng tôi. Sau khi đầy lại nắp ấm, ông ta vói chai thủy tinh, mở nắp và thò tay vào bốc chừng năm sáu chiếc kẹo bột và bỏ vào một đĩa nhôm nhỏ, rồi đặt bên cạnh hai bát nước.

Tôi cầm bát nước lên, trong lòng bỗng nổi lên một nỗi xúc động lạ lùng, tôi tưởng như mình bỗng chốc được một phép màu quay trở lại khoảng thời thơ ấu đã xảy ra cách mấy chục năm trước. Lúc đó, tôi mới bắt đầu vào bậc tiểu học, đã có dịp được mẹ tôi dẫn cho đi uống nước trà lá vối và ăn kẹo bột ở một con hẻm khá xa nhà. Tôi vừa thổi vào bát nước cho đỡ nóng, vừa bồi hồi uống chất nước có vị hơi chan chát với mùi thơm của lá non cùng nhám nháp chiếc kẹo bột thoang thoang mùi gừng, với vị ngọt và cay cay trên đầu lưỡi.

Rời quán nước, chúng tôi đi bộ tiếp qua Nhà Hát Lớn Thành Phố, rồi hướng về khu Bờ Hồ. Đang đi trên đường, từ một cửa hàng nhỏ đằng xa ở đầu một góc phố, tôi thấy cả một đoàn người xấp hàng dài lê thê, có chỗ đang cãi nhau chí chóc vì có một người đang nhiên xông vào giữa hàng. Thoạt đầu, tôi tưởng mọi người xếp hàng đi mua nhu yếu phẩm như ở miền Nam về sau này, nhưng hỏi ra thì mới biết họ đang xếp hàng mua kem (cà rem) cây, vì lâu lâu món này mới được bán ra từ một cửa hàng mậu dịch quốc doanh. Anh Hùng giải thích cho tôi hiểu, là dân miền Bắc rất thích được uống nước đá và ăn kem cây, mặc dù ngay cả những lúc thời tiết rất lạnh.

Tiếp tục rảo bước, đằng xa tôi đã thấy bóng Hồ Hoàn Kiếm năm nào, giữa hồ chiếc tháp rùa tôi thấy cũ kỹ và nhỏ hơn nhiều so trong ký ức của tôi về Hà Nội. Xa xa là đền Ngọc Sơn, với chiếc cầu màu đỏ muôn thủa mà tôi còn ghi nhớ, vẫn còn đó. Hồ Hoàn Kiếm ngày xưa nổi tiếng nơi là thơ mộng, có nhà Thủy Tạ phơi bóng trên mặt hồ xanh biếc, chung quanh hồ là hàng liễu rủ cho nên mỗi cuối tuần, là nơi trai thanh gái lịch hẹn hò tình tự. Nhưng giờ đây, tôi chỉ thấy chung quanh

hồ, nhếch nhác những quán hàng rong, rác rưởi đầy dưới gốc cây ven hồ, thỉnh thoảng có vài cặp nam nữ, nữ với tóc quấn đuôi sam, áo bà ba trắng quần vải đen, nam với quần áo vải ka ki Nam Định và chiếc nón cối có hữu trên đầu, ngồi rù rì tâm sự ở vài ghế đá đặt quanh hồ.



Hình ảnh của một cuộc hẹn hò “thơ mộng” giữa lòng thủ đô Hà Nội vào năm 1978 (hình minh họa)

Chúng tôi sau đó tiếp tục đi bộ gần nửa vòng hồ để ngược lên Phố Hàng Đào. Khi đến nhà anh chị họ, như lời hẹn hôm qua, tôi đã thấy trong nhà hôm nay đã thêm một cặp anh chị họ xa khác cùng với một bà chị họ góa chồng đã lâu, cả ba gặp tôi đều mừng mừng tủi tủi vì bao nhiêu năm không gặp lại. Anh họ này của tôi cũng đã có một thời kỳ đi kháng chiến chống Pháp, sau về làm một cán bộ cao cấp ở bộ Quốc Phòng và đã về hưu được vài năm. Anh Hùng thấy gia đình họ hàng tôi thuộc “loại lão thành cách mạng” cho nên rất “phần khởi” và ăn nói tự nhiên không dè chừng như lúc anh ở miền Nam. Anh chị họ tôi sửa soạn bữa ăn tối rất thịnh soạn và chu đáo, anh mang cả hũ rượu trắng mà anh khoe là rượu “Văn Điển” để đãi khách. Chúng tôi ăn uống vui vẻ, riêng anh Hùng nhờ có chút hơi rượu, nên dùng bữa rất tự nhiên và nói chuyện hết sức thoải mái khác hẳn với khi ăn uống ở nhà trọ của Tổng Công Ty. Trong bữa ăn, thỉnh thoảng tôi thấy có nhiều người già lần trẻ đi ngang qua cạnh bàn ăn, tôi ngạc nhiên hỏi thăm thì mới biết căn nhà của anh chị giờ này đã bị chia cho 3 hộ gia đình chung nhau ở, và gia đình anh chị được may mắn còn giữ phần mặt trước nhà. Trước khi từ giã ra về, anh họ tôi còn mang một chiếc xe đạp cũ của người con trai lớn đang đi làm xa, cho tôi mượn để di chuyển trong những ngày còn lại ở Hà Nội. Trên đường hai chúng tôi đạp xe chở nhau về nhà trọ, anh Hùng cao hứng dặn tôi bắt đầu ngày mai, cứ dùng xe đạp đi chơi thoải mái để biết thêm về Hà Nội.

Ngày hôm sau buổi họp tại Tổng Công ty cũng là ngày cuối cùng để thảo luận, phát biểu và đúc kết khóa hội thảo về hao hụt xăng dầu của năm 1978. Phần lớn y như các buổi họp “giao ban” mà tôi đã từng tham dự, các đại diện sau khi nêu lên các khó khăn đều bày tỏ ý chí sẽ cố gắng khắc phục để đạt được mục tiêu mới. Đến phần phát biểu của Công ty Xăng Dầu Khu Vực 2, chỉ có anh Hùng đứng lên phát biểu và đưa ra các mục tiêu mà công ty cố gắng để đạt được cho các năm tới. Riêng tôi đã có kinh nghiệm về các buổi họp này, cho nên khi đến phần đúc kết, thường tôi chỉ ngồi yên, ít khi nào phát biểu ý kiến. Lý do là cũng trong kỳ hội thảo này, có lẽ tôi là nhân viên thuộc thành phần “Ngụy” duy nhất đến tham dự, vì vậy tôi nghĩ càng ít nói bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Bởi vì, chỉ ngoài ông Trang và anh Hùng ra, số còn lại đều làm tưởng tôi là một cán bộ từ miền Nam ra họp. Kinh nghiệm cho biết khi họp trong nội bộ với nhau, họ phát biểu rất thoải mái, và cũng chính nhờ đó tôi có lần đã được chứng kiến những điều mà tôi không ngờ tới.

Trường họp này đã xảy ra một lần tại kho dầu Nhà Bè vào khoảng vài tháng trước, khi tôi và anh Hùng xuống tham dự một buổi họp, được tổ chức giữa một số cán bộ chủ chốt của kho dầu cùng các nhân viên chuyên môn, phần lớn là các kỹ sư hoặc chuyên viên của Shell cũ, đang làm việc tại đây. Buổi họp vừa chấm dứt, các cán bộ còn ngồi ở lại, tôi cũng đứng dậy định bước ra theo các anh em chuyên viên cũ thì anh Hùng kéo tôi lại và nói với tôi ở lại để họp tiếp về vấn đề hao hụt, mà vừa rồi anh chưa có dịp đi vào chi tiết. Khi cửa phòng họp vừa đóng lại, các cán bộ kho dầu cứ nghĩ tôi cũng là một cán bộ trên trụ sở trung ương, nên đã lên tiếng chỉ trích một số các chuyên viên “Ngụy” là làm việc tốt, nhưng không đáng tin cậy. Anh Hùng thấy tôi có mặt ở đó, bên lên tiếng chống chế và cho rằng chỉ có một số nhỏ chưa giác ngộ cách mạng, còn đa số đã họp tác và làm việc rất có hiệu quả để mong tái thiết lại đất nước. Sau đó, một cán bộ đã làm tôi sững sờ, không tin được vào tai mình, khi anh thản nhiên kể những điều vừa xảy ra ở kho dầu trong suốt mấy ngày vừa qua. Số là vào thời gian đầu năm 1978, khi phong trào vượt biên bắt đầu lên cao, nhà nước đã mở chiến dịch cho phép người Hoa (lẫn cả người Việt) đi bán chính thức trên những con tàu ọp ẹp, để thu góp vàng.

Cách đó ít ngày, một con tàu vừa được cho phép khởi hành gần ngã ba sông Sài Gòn - Đồng Nai, tàu chỉ chạy được một đoạn ngắn, nước đã ngấm đầy vào khoang dưới buồng máy rồi chìm ngấm. Cả trăm thuyền nhân bị rớt xuống sông, chỉ có một số ít biết bơi thì bơi được vào bờ sống sót. Số đông còn lại, sau một hồi chống chọi trên mặt nước, cuối cùng rồi cũng nằm sâu dưới đáy sông. Vài ngày sau, các xác mới bắt đầu nổi lên và trôi về phía Nhà Bè, nhiều xác trôi đến cầu tàu của kho dầu và mắc kẹt dưới chân cầu. Khi phát hiện ra, để tránh phiền nhiễu vì phải khai báo, chưa kể sợ trách nhiệm phải lo thủ tục tống táng rườm rà, trường kho dầu ra lệnh dùng sào đẩy các xác chết ra khỏi chân cầu, và để xác tự do trôi theo dòng nước.

Tôi bàng hoàng và choáng váng khi nghe họ thản nhiên kể chuyện như họ vừa đi bắt tôm, cá trong một chuyến du ngoạn cuối tuần. Anh Hùng lúc về đến công ty cũng lên tiếng chỉ trích là kho dầu đã có những hành động “tùy tiện”, nhưng điều đáng chú ý, là tôi không hề nghe anh ta lên án về các hành vi bất nhân này.

Buổi đức kết kéo dài đến trưa, đặc biệt hôm nay tôi không thấy ông Trang phát biểu gì nhiều. Ông ta chỉ ngồi lắng nghe, có một lúc tôi thấy ông ta gác một chân lên ghế, rồi đem cái cắt móng chân ra ngồi cắt một cách rất tự nhiên, như đang ngồi ở trong nhà riêng, mà không thấy một tham dự viên nào tỏ ra ngạc nhiên. Cắt móng chân xong, ông ta thản nhiên đập hai bàn chân vào nhau nghe bồm bộp, rồi bỏ chân xuống và xỏ vào đôi dép xăng đan nằm phía dưới gầm ghế. Khi người cuối cùng phát biểu xong, ông Trang đứng dậy tóm lược một số ý chính trong những ngày thảo luận vừa qua, sau đó cảm ơn tất cả chúng tôi đã đến tham dự, đồng thời khen ngợi khóa hội thảo diễn ra tốt đẹp và chúc tất cả chúng tôi thành công trong công tác theo dõi việc quản lý vấn đề hao hụt xăng dầu, cuối cùng ông tuyên bố bế mạc hội nghị.

Hôm đó ăn cơm trưa xong, anh Hùng đã có hẹn để đi thăm các bạn bè cũ, còn tôi lấy chiếc xe đạp, được cho mượn hôm qua, để đi xuống phố. Dự định đến thăm nhà bà dì ở Ngõ Trạm, mà trước đây là phòng mạch của bác sĩ Kỳ Quan Thân, cho nên tôi quyết định đạp xe về hướng Ga Hàng Cỏ. Xe chạy gần đến nhà ga, một cảnh tượng lạ lùng đập vào mắt tôi là từ trong lẫn trước mặt nhà ga,

người đầu nhiều vô kể. Có lẽ họ đang xếp hàng mua vé và chờ chuyển tàu xuôi Nam. Họ đi đi lại lại, đứng, ngồi, và nhiều nhất là nằm trên những mảnh giấy báo, hoặc một manh chiếu rách, la liệt trước mặt sân ga. Chung quanh họ là những va ly bằng gỗ, những thùng hàng hoá cùng quang gánh chất thành hàng đống cao ngất.

Đạp xe tiếp qua Phố Tràng Thi đến Phố Hàng Da, tôi quẹo vào Ngõ Trạm. Dì Ngân là em họ của mẹ tôi, ngày trước là y tá, sau đó đã trở thành vợ của bác sĩ Thân và phòng mạch này cũng là nơi tôi mở mắt chào đời. Dì Ngân ra mở cửa, tôi tự giới thiệu rồi và đưa đi chiếc phòng bì đựng một ít tiền của mẹ tôi gửi dì làm quà và lời hỏi thăm của mẹ tôi. Dì vô cùng mừng rỡ, dẫn tôi vào một căn phòng nhỏ xíu phía trước với hai chiếc ghế cũ mà dì gọi là phòng khách, rồi hỏi han đủ điều về cuộc sống của gia đình tôi trong miền Nam. Một lát khi câu chuyện đã thân tình, dì kể lại những nỗi cơ cực mà gia đình dì đã phải trải qua khi chính quyền mới vào tiếp quản thủ đô năm 1954 và dì cho biết hiện tại, phần nhà dì đang ở chỉ là một phần tư của căn nhà cũ. Khi tôi xin phép ra về, dì khấn khoản rủ tôi ngày mai trở lại ăn cơm, nhưng thấy gia cảnh của dì sa sút quá, tôi bèn xin lỗi viện cớ bận việc. Trước khi tiễn tôi ra cửa, dì còn chỉ cho tôi xem lại chiếc phòng nhỏ sát bên cạnh, mà ngày xưa mẹ tôi lúc trở dạ, được chờ đến và dì đã phụ giúp bác sĩ Thân để đem tôi đến với cuộc đời.

Dời nhà dì, tôi quyết định trở lại xem căn nhà cũ mà gia đình tôi đã ở cách đây hơn 20 chục năm trước. Vì đã hỏi thăm trước, tôi đạp xe tiếp lên Phố Hàng Bò, qua Phố Hàng Bạc để hướng về phía bờ sông. Đến đường Nguyễn Hữu Huân rồi chạy thêm một đoạn, tôi quẹo trái để đi vào một khu phố nhỏ gần đấy. Chỉ đạp vài vòng xe, tôi đã bàng hoàng nhận ra ngay chiếc nhà 2 tầng nhỏ nhắn mà gia đình tôi đã cư ngụ ngày nào. Sở dĩ tôi nhận ra vì bên hông nhà, trên bức tường vôi sơn vàng, bạc phếch và tróc lở lem luốc, tôi thấy vẫn còn lờ mờ nét sơn đen với dòng chữ quảng cáo: **“Thuốc ho gia truyền - Hỏi tại đây”** và dưới đó là cái mũi tên chỉ vào chiếc nhà nằm sâu trong hẻm bên cạnh. Những dòng chữ này tôi đã nhớ thuộc lòng, khi cùng các bạn chạy nhảy bên mảnh sân nhỏ cạnh nhà. Căn nhà ngày xưa của chúng tôi, chắc đã hơn hai chục năm chưa từng được sơn phết và sửa chữa nên bây giờ đã “xuống cấp”

trầm trọng. Trên nóc nhà, mái ngói rêu mọc đen ngòm, nhiều chỗ đã mục nát để lộ cả khung sườn gỗ được che tạm bằng vài miếng tôn đã rỉ sét. Chung quanh nhà, vôi tường và vữa đã bị tróc lở loang lổ, nhiều chỗ tôi thấy lòi cả gạch bên trong, chiếc ban công phía trước thì bị quây lại bằng các cọc gỗ và được che bằng vài tấm bạt bằng ny lông màu xanh đã rách nát, khiến căn nhà trông càng thêm tối tệ. Ngồi trên yên xe, tôi hỏi thăm một em nhỏ đang chơi đùa trước mặt nhà, thì được biết bây giờ căn nhà đã là nơi của 4 hộ gia đình cư ngụ. Tôi quày xe trở ra, trong lòng tê tái, mắt tôi nhòa đi và không còn đủ can đảm để quay nhìn lại căn nhà cũ, dù chỉ thêm một lần nữa.

Sáng hôm sau khi trở dậy và làm vệ sinh cá nhân xong, tôi và anh Hùng vào khu nhà bếp để ăn sáng. Khác hẳn với mấy hôm trước, hôm nay phòng ăn trống vắng, chỉ lèo tèo một số tham dự viên ở xa như chúng tôi còn ở lại, vì đại đa số là dân địa phương, cho nên sau buổi họp họ đã lên xe trở về nhà từ chiều hôm trước. Ngồi ăn sáng, tôi được một anh ngồi cùng mâm cho biết là buổi sáng sớm nay, ở trong Nam đã bắt đầu chiến dịch đánh tư sản. Tuy gia đình tôi chẳng buôn bán gì, nhưng nghe xong tôi cũng sốt ruột và ăn sáng thật nhanh rồi đi bộ ra đầu đường để mua báo về đọc. Cầm tờ báo với hàng tit lớn trên trang nhất: **“Cuộc cải tạo tư sản tại miền Nam đã bắt đầu kể ngày hôm nay”**, phía dưới là nguyên văn sắc lệnh của chính phủ về việc kiểm kê tài sản của các tư sản tại các thành phố dưới vĩ tuyến 17 và lệnh bắt giữ việc vận chuyển hàng hoá từ các khu vực đang bị kiểm kê, để tránh việc tẩu tán tài sản quốc gia. Cả buổi sáng đến trưa, tôi chỉ thần thờ ngồi trên giường, đem mấy tờ báo ra đọc không thiếu một tiết mục nào. Về phần anh Hùng, mấy hôm nay có vẻ rất phấn khởi về thành tích đạt được trong cuộc hội thảo, nên anh ta vui vẻ rủ tôi ra phố, nhưng tôi từ chối. Thấy tôi có vẻ ưu tư về chuyện đánh tư sản, anh ta “động viên” tôi bằng cách kể chuyện đánh tư sản tương tự tại miền Bắc vào mấy chục năm trước và an ủi tôi, mọi sự rồi cũng sẽ qua đi.

Buổi trưa ăn cơm xong, với ý định trả xe cho anh chị tôi, tôi lấy xe và đạp thẳng về hướng hồ Hoàn Kiếm. Đến hồ, tôi tìm một chiếc ghé đá ở chỗ vắng vẻ, rồi ngồi trầm tư nhìn xuống mặt hồ. Chiếc hồ vẫn còn đó, vẫn trong xanh, vẫn có hàng liễu rủ, vẫn còn Tháp Rùa, vẫn còn đền Ngọc Sơn, còn nhà Thủy

Tạ, nhưng trong lòng tôi hôm nay sao bỗng thấy dửng dưng. Những ngày qua của lần trở về này, được thấy tận mắt thực trạng của thành phố, cuộc sống và sinh hoạt của người dân Hà Nội, đã làm trong lòng tôi không còn một thiết tha gì nữa. Tôi kinh hoàng khi nghĩ tới sau đợt đánh tư sản này, không biết rồi Sài Gòn sẽ trở thành một Hà Nội thứ hai không. Trong tâm tư tôi vào lúc đó, tôi cảm thấy tình yêu về Hà Nội hầu như đã chết trong tôi, chết một cách đột ngột mà không hề báo trước. Ngồi trên ghé đá mãi đến gần xế chiều, tôi mới đứng dậy, đạp xe đến phố Hàng Đào để trả lại chiếc xe đạp cho anh chị tôi, rồi lầm lũi cuộc bộ về lại phòng trọ.

Hôm sau gần chiều tối, máy bay đưa chúng tôi trở lại Sài Gòn, nhìn qua cửa sổ phi cơ, tôi thấy thành phố xa xa đã bắt đầu lên đèn. Vào đến phi cảng, tôi thấy anh tài xế quen thuộc đã chờ sẵn để chở chúng tôi về lại công ty. Tôi và anh Hùng chia tay nhau ở sân sau, tôi vào hầm để xe, lấy chiếc Honda, cột chiếc vali đằng sau xe, rồi phóng thẳng ra mặt đường chính. Trời đã xập tối, có lẽ dân Sài Gòn còn đang hoang mang vì đợt đánh tư sản vừa xảy ra ngày hôm qua và ngại ra đường sợ bị khám xét, vì nghi ngờ việc tẩu tán hàng hoá, cho nên các con đường lớn tôi chạy qua đều vắng lặng, chỉ lác đác bóng người.

Chiếc Honda của tôi cứ thế lầm lũi chạy dưới ánh đèn đường màu vàng úa, khi xe đi qua một khu vực phủ đầy bóng tối, trong lòng tôi bỗng chợt dâng lên một niềm đau xót vô hạn và tôi cảm thấy mình như đang tiến vào một con đường hầm, dẫn tới một tương lai đầy bất định và mịt mù trước mặt.

Viết từ Orange County những ngày đầu đông Trần Đức Thuận

Ghi Chú:

- *Tổng Công Ty Xăng Dầu sau năm 2010 đã được đổi tên thành **Petrolimex** và trở thành một công ty cổ phần hóa, có trụ sở mới cao 7 tầng lầu và được xây trên mảnh đất cũ ở số 1 Phố Khâm Thiên, Hà Nội.*
- *Phi trường Gia Lâm đã dần dần được thay thế bằng phi trường Nội Bài sau năm 1978 và nay trở thành nơi chỉ để huấn luyện phi công.*
- *Cuối thập kỷ 90, cầu Long Biên được sử dụng chỉ cho tàu hỏa, xe đạp và người đi bộ.*